

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT LÚA TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Bùi Thanh Hải<sup>1</sup>, Đặng Văn Minh<sup>2\*</sup>, Nguyễn Văn Toàn<sup>3</sup>

<sup>1</sup>UBND tỉnh Thái Nguyên, <sup>2</sup>Đại học Thái Nguyên

<sup>3</sup>Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp

### TÓM TẮT

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng đất lúa của huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt là nghiên cứu sự biến động về đất trồng lúa trong những năm gần đây. Diện tích đất canh tác lúa huyện Phú Bình trong giai đoạn 2002-2013 giảm 206 ha đất lúa do đã lấy đất lúa phục vụ cho phát triển đô thị, khu công nghiệp và một phần chuyển dịch sang cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Trong những năm gần đây, công tác quản lý đất lúa đã được chú ý để bảo vệ diện tích đất trồng lúa. Số lượng cán bộ quản lý đất đai tăng, các văn bản hướng dẫn, công tác bản đồ, quản lý hồ sơ địa chính được đẩy mạnh. Tuy nhiên chất lượng cán bộ quản lý đất đai vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là đối với cấp xã. Điều này làm ảnh hưởng tới công tác quản lý về đất đai chung của huyện, trong đó có đất trồng lúa.

**Từ khóa:** sử dụng, đất trồng lúa, Phú Bình

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Phú Bình là trọng điểm trồng lúa của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác của cả nước, tình trạng lấy đất canh tác lúa chuyển sang mục đích khác vẫn đang diễn ra phổ biến (Nguyễn Võ Linh và CS, 2011; Trần Thị Giang Hương và Nguyễn Thị Vòng, 2013). Để đảm bảo an ninh lương thực thì sử dụng hợp lý và bảo vệ đất trồng lúa là rất quan trọng. Điều này đã được thể chế hoá trong Nghị định 42 năm 2012 của Chính Phủ về quản lý và sử dụng đất lúa. Thực hiện tốt các chính sách về đất đai có tác động rất lớn đối với phát triển nông nghiệp nông thôn (Bùi Xuân Sơn, 2006). Mục tiêu chính của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng đất lúa của huyện Phú Bình, đặc biệt là sự biến động về đất trồng lúa trong những năm gần đây. Thông qua nghiên cứu này giúp tăng cường công tác quản lý và sử dụng hợp lý đất lúa tại Phú Bình.

### PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên từ năm 2013-2014. Đánh giá thực trạng quản lý về đất lúa, nghiên cứu tiến hành điều tra thực trạng hệ thống tổ

chức và cán bộ quản lý đất đai của các xã, công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện, trong đó có đất trồng lúa.

Để đánh giá thực trạng diện tích, năng suất và sản lượng lúa cũng như sự biến động của chúng trong thời gian gần đây, các số liệu về sản xuất lúa được thu thập trong giai đoạn 2002-2013 từ các nguồn số liệu thống kê của huyện và của tỉnh. Đất lúa được chia thành 3 tiểu vùng sinh thái chính của huyện. Tiểu vùng 1 bao gồm 4 xã miền núi phía Bắc và đông bắc huyện, tiểu vùng 2 là vùng trung tâm gồm 11 xã và thị trấn thuộc vùng nước máng sông Cầu, tiểu vùng 3 gồm 6 xã thuộc vùng nước máng hồ núi Cốc. Các tiêu chí nghiên cứu giống nhau nhằm so sánh thực trạng sản xuất lúa tại mỗi vùng

Công tác quản lý đất lúa đã được tổng hợp thông qua phỏng vấn cán bộ quản lý, các báo cáo tổng kết của địa phương và các cấp quản lý có liên quan.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Thực trạng sản xuất lúa và sự biến động về diện tích, năng suất, sản lượng qua các năm**

*Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2013*

*Thực trạng sản xuất lúa năm 2013*

Diện tích đất canh tác lúa toàn huyện năm 2013 của huyện Phú Bình là 7595 ha, với

\* Tel: 0912 334310

tổng diện tích gieo trồng lúa 12.601 ha. Hệ số sử dụng đất lúa bình quân toàn huyện là 1,7. Năng suất bình quân đạt 50,3 tạ/ha. Tuy nhiên, có sự phân bố không đều giữa các tiểu vùng trong huyện, tiểu vùng 2 có diện tích lúa lớn nhất với 3.958,9 ha, diện tích gieo trồng lúa 6.774,1 ha, năng suất đạt 50,5 tạ/ha/ vụ, sản lượng đạt 343.022 tạ/năm, chiếm 62,93% tổng sản lượng lương lúa của cả huyện; tiếp theo là tiểu vùng 3 có diện tích canh tác 1.910,7 ha, diện tích gieo trồng 2.197,7 ha, năng suất đạt trung bình 52 tạ/ha, cao hơn so với tiểu vùng 1 và vùng 2, tiểu vùng 1 có diện tích canh tác ít nhất với 1.725,4 ha, diện tích gieo trồng lúa có 2569,3 ha, năng suất lúa trung bình vụ/năm đạt 47,8 tạ/ha (Bảng 1 và 2).

### *Biến động diện tích đất lúa giai đoạn năm 2002-2013 của huyện Phú Bình*

Giai đoạn 2002-2013, diện tích canh tác lúa của huyện Phú Bình không ổn định. Giai đoạn 2002-2005 giảm 47 ha, giai đoạn 2005-2010 giảm 176,6 ha, gấp 3 lần so với giai đoạn 2002-2005 nhưng giai đoạn 2010-2013 diện tích lúa của cả huyện lại tăng 17,6 ha. Và tính chung cho cả giai đoạn 2002-2013 cả huyện Phú Bình giảm 206 ha. Sự suy giảm diện tích đất lúa trong giai đoạn này là do đã lấy đất lúa phục vụ cho phát triển đô thị, khu công nghiệp và một phần chuyển dịch sang cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

**Bảng 1:** *Hiện trạng sản xuất lúa huyện Phú Bình năm 2013 phân theo các tiểu vùng kinh tế*

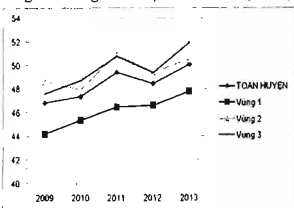
TT	Chi Tiêu	Diện tích gieo trồng (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tạ)
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>12.601</b>	<b>50,3</b>	<b>633.908</b>
	<i>Vùng 1</i>	<i>2.569,3</i>	<i>47,8</i>	<i>122.735,0</i>
1	Bản Đạt	712,3	46,0	32.787
2	Tân Khánh	686,3	48,8	33.485
3	Tân Kim	717,7	48,4	34.737
4	Tân Thành	453,0	48,0	21.726
	<i>Vùng 2</i>	<i>6.774,1</i>	<i>50,5</i>	<i>343.022,0</i>
5	TT Hương Sơn	774,7	51,5	39.884
6	Đào Xá	545,0	45,6	24.862
7	Đồng Liên	304,5	45,8	13.940
8	Bào Lý	567,0	48,2	27.313
9	Dương Thành	644,6	55,2	35.560
10	Kha Sơn	840,7	48,4	40.701
11	Lương Phú	361,8	53,9	19.499
12	Tân Đức	840,0	53,1	44.585
13	Tân Hoà	852,0	49,1	41.863
14	Thanh Ninh	475,0	54,1	25.690
15	Xuân Phương	568,8	51,2	29.125
	<i>Vùng 3</i>	<i>2.197,7</i>	<i>52,0</i>	<i>168.151,0</i>
16	Điểm Thuy	588,0	52,2	30.698
17	Hà Châu	472,0	53,1	25.066
18	Nga My	728,0	49,8	36.270
19	Nhã Lông	413,0	54,3	22.430
20	Úc Kỳ	460,0	53,8	24.744
21	Thương Đình	596,7	48,5	28.943

**Bảng 2: Biến động diện tích đất sản xuất lúa huyện Phú Bình giai đoạn 2002- 2013 chia theo tiểu vùng**

TT	Chỉ tiêu	2002	2005	2010	2013	Biến động 2002-2005	Biến động 2005-2010	Biến động 2010-2013	Biến động 2002-2013
TỔNG SỐ		7.801,0	7.754,0	7.577,4	7.595,0	-47,0	-176,6	17,6	-206,0
Tiểu vùng 1		1.722,0	1.727,0	1.726,0	1.725,4	5,0	-1,0	-0,6	3,4
Tiểu vùng 2		4.027,0	4.030,0	3.943,2	3.958,9	3,0	-86,8	15,7	-68,1
Tiểu vùng 3		2.052,0	1.997,0	1.908,2	1.910,7	-55,0	-88,8	2,5	-141,3

### Biến động năng suất lúa của huyện Phú Bình giai đoạn 2009-2013

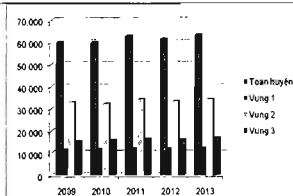
Năng suất lúa bình quân của huyện Phú Bình tăng trong giai đoạn 2009-2013 (Hình 1) từ mức 47 tạ (năm 2009) lên 50,3 tạ/ha/vụ (năm 2013), tăng 3,3 tạ/ha/vụ. Trong các tiểu vùng của huyện, tiểu vùng 3 và vùng 2 gia tăng năng suất lúa lớn nhất với 4 tạ/ha/vụ trong khi đó vùng 2 chỉ gia tăng 2 tạ/ha/vụ. Tiểu vùng 3 cũng là tiểu vùng có năng suất bình quân cao nhất đạt 52 tạ/ha/vụ (năng suất năm 2013), tiếp theo là tiểu vùng 2 đạt 51 tạ/ha/vụ. Tiểu vùng 1 có năng suất thấp nhất với 48 tạ/ha/vụ.



**Hình 1: Biến động năng suất lúa trung bình (tạ/ha) của từng vùng và toàn huyện Phú Bình giai đoạn 2009-2013**

### Biến động về sản lượng lúa của các tiểu vùng và toàn huyện Phú Bình giai đoạn 2009-2013

Do năng suất tăng dần đến sản lượng lúa trong 5 năm 2009-2013 cũng tăng, mặc dù diện tích đất lúa giảm. Trong các tiểu vùng, tiểu vùng 3 gia tăng sản lượng lúa lớn nhất với 1.373 tấn, tiếp theo là vùng 2 với 1.159 tấn, vùng 1 gia tăng ít nhất với 680 tấn so với năm 2009



**Biểu 2: Biến động sản lượng lúa (nghìn tấn) của từng vùng và toàn huyện Phú Bình giai đoạn 2009-2013**

### Công tác quản lý đất lúa

#### Công tác quản lý nhà nước về đất trồng lúa

Trong giai đoạn 2002-2013, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành 6 văn bản quy định liên quan đến công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện. Công tác xác định địa giới hành chính gắn với lập bản đồ hành chính cho từng xã, thị trấn trong phạm vi lãnh thổ của huyện Phú Bình đã được thực hiện. Do vậy đến nay các loại hồ sơ về địa giới hành chính của huyện cũng như từng xã, thị trấn trong huyện đã hoàn thiện và được lưu trữ, quản lý sử dụng theo đúng quy định pháp luật.

Công tác khảo sát, đo đạc thành lập bản đồ địa chính đến từng thửa đất đã được tổ chức triển khai rất sớm, từ những năm 2001. Đến nay toàn bộ các xã, thị trấn trong huyện đã hoàn thành việc lập bản đồ địa chính và hồ sơ kèm theo, tài liệu được đưa vào sử dụng kịp thời phục vụ công tác quản lý đất đai như: giao đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê.

Tuy nhiên tài liệu bản đồ địa chính của các xã, thị trấn có chất lượng và độ chính xác chưa cao do được đo đạc, lập bản đồ địa chính theo hệ tọa độ HN-72, bản đồ thành lập bằng dạng giấy Troky hoặc Diamat, chưa được đo đạc theo hệ tọa độ VN-2000 mặc dù đã dùng phần mềm quét, nắn ảnh và số hóa và chuyển đổi từ hệ tọa độ HN-72 sang VN-2000. Do trong một thời gian dài các bản đồ và hồ sơ, sổ sách kèm theo không được cập nhật, chỉnh lý biến động đồng bộ và thường xuyên nên hiện trạng đang sử dụng đất biến động nhiều so với nguồn tài liệu bản đồ đã lập.

Việc kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 của huyện đã hoàn thành. Số liệu kiểm kê diện tích đất đai (trong đó có đất lúa) năm 2010 của cấp xã là số liệu cơ bản, số liệu kiểm kê diện tích đất đai (trong đó có đất lúa) năm 2010 cấp huyện đều được tổng hợp từ số liệu kiểm kê của cấp xã bằng phần mềm kiểm kê, bảo đảm tính trung thực, độ chính xác và tính thống nhất cao. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (trong đó có đất lúa) của cấp xã tỉ lệ 1/5.000 và tỉ lệ 1/25.000 của huyện Phú Bình đều đã được thành lập dưới dạng bản đồ số để thuận tiện trong việc tổng hợp, xây dựng bản đồ hiện trạng của đơn vị hành chính cấp trên, bảo đảm sử dụng để biên tập, thành lập bộ bản đồ nền thống nhất trên phạm vi cả nước, phục vụ cho công tác quản lý đất đai nói chung, đất lúa nói riêng. Tuy nhiên cho đến nay chưa có một dự án riêng về đánh giá đất đai và quy hoạch sử dụng đất lúa theo hướng dẫn của Nghị định số 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

*Thực trạng hệ thống tổ chức và cán bộ quản lý đất đai trên địa bàn huyện Phú Bình*

Số liệu tổng hợp về thực trạng hệ thống tổ chức và cán bộ quản lý đất đai trên địa bàn huyện Phú Bình được tổng hợp ở bảng 3 cho thấy: Bộ máy quản lý đất đai đã được hình thành từ huyện xuống cấp xã. Tại huyện có Phòng Tài Nguyên Đất và Môi Trường làm

nhệm vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân huyện trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Đồng thời trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và môi trường. Ở mỗi xã cũng có một đến hai cán bộ quản lý đất đai. Số cán bộ có trình độ đại học chiếm 68,97% trong tổng số 58 cán bộ công tác trong hệ thống này.

Về phân bố cán bộ, phòng Tài Nguyên Đất và Môi trường của huyện có 7 cán bộ trong đó có 6 cán bộ đại học và 1 cán bộ trung cấp. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất có 8 người, trong đó có 6 cán bộ đại học và 2 cán bộ cao đẳng. Cán bộ địa chính cấp xã có 42 người. Đa số các xã có 2 cán bộ địa chính, cá biệt có xã 3 cán bộ địa chính như xã Hà Châu, xã Tân Hoà có 1 cán bộ địa chính. Tuy nhiên xét theo nhu cầu của công tác quản lý nhà nước nhất là trong điều kiện hiện nay khi việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa nhiều thì số lượng cán bộ tại cấp phòng và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất còn quá ít.

## KẾT LUẬN

Diện tích đất canh tác lúa huyện Phú Bình đã có nhiều thay đổi trong những năm gần đây, đặc biệt trong giai đoạn 2002-2013 toàn huyện Phú Bình giảm 206 ha đất lúa. Nguyên nhân sự suy giảm diện tích đất lúa là do đã lấy đất lúa phục vụ cho phát triển đô thị, khu công nghiệp và một phần chuyển dịch sang cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Mặc dù diện tích đất lúa giảm nhưng do năng suất tăng nên sản lượng lúa trong những năm gần đây vẫn ổn định. Công tác quản lý đất lúa đã được chú ý với số lượng cán bộ có trình độ đại học nhiều hơn. Mặc dù số lượng cán bộ khá đông nhưng chất lượng cán bộ chưa đồng đều, số lượng cán bộ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất còn ít. Chất lượng cán bộ quản lý đất đai vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là đối với cấp xã. Điều này làm ảnh hưởng tới công tác quản lý về đất đai chung của huyện, trong đó có đất trồng lúa.

**Bảng 3: Tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý đất đai trên địa bàn huyện Phú Bình**

Hệ thống Quản lý và Cán bộ	Tổng số (Người)	Trình độ học vấn của cán bộ					
		Đại Học		Cao Đẳng		Trung Cấp	
		Số CB	Cơ cấu (%)	Số CB	Cơ cấu (%)	Số CB	Cơ cấu (%)
I. Phòng Tài nguyên và Môi trường	8	7	87,50			1	12,50
II. Văn phòng ĐK quyền SDD	8	6	75	2	25		
III. Cán bộ địa chính cấp xã	42	27	64,29	2	4,76	13	30,95
TT Hương Sơn	2	1	50			1	50
Kha Sơn	2	1	50			1	50
Tân Đức	2	1	50	1	50		
Tân Hòa	1	1	100				
Tân Thành	2	2	100				
Tân Kim	2	2	100				
Tân Khánh	2					2	100
Bảo Lý	2	2	100				
Đào Xá	2	2	100				
Đồng Liên	2	2	100				
Bản Đạt	2	1	50			1	50
Thượng Đình	2	2	100				
Điểm Thụy	2			1	50	1	50
Úc Kỳ	2	2	100				
Nga My	2	1	50			1	50
Hà Châu	3	2	66,67			1	33,33
Xuân Phương	2	1	50			1	50
Lương Phú	2	1	50			1	50
Thanh Ninh	2	2	100				
Dương Thành	2					2	100
Nhã Lộng	2	1	50			1	50
<b>Tổng</b>	<b>58</b>	<b>40</b>	<b>68,97</b>	<b>4</b>	<b>6,90</b>	<b>14</b>	<b>24,13</b>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Giang Hương và Nguyễn Thị Vòng, *Thực trạng và định hướng sử dụng đất tỉnh Nam Định trong điều kiện biến đổi khí hậu*. Tạp chí Khoa học và Phát triển 2013, tập 11, số 5: 672-680; 2013
2. Nguyễn Vũ Linh và CS, năm 2011 " Quy hoạch tổng thể sử dụng đất lúa toàn quốc đến năm 2020 và tầm nhìn 2030". Hà Nội năm 2012", Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, tháng 9 năm 2011, trang 153-160
3. Nghị định số 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ: Về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
4. Bùi Xuân Sơn, *Chính sách đất đai đối với nông nghiệp, nông thôn*, Nhà xuất bản Nông nghiệp. 2006.
5. Hoàng Xuân Phương, Nguyễn Văn Toàn , năm 2011 " Nghiên cứu cơ sở khoa học của chính sách lúa gạo đảm bảo an ninh lương thực quốc gia ở Việt Nam" Đề tài trọng điểm cấp Bộ, năm 2010.

SUMMARY  
LAND RICE MANAGEMENT AND USING  
IN PHU BINH DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Bui Thanh Hai<sup>1</sup>, Dang Van Minh<sup>2\*</sup>, Nguyen Van Toan<sup>3</sup>

<sup>1</sup>People's Committee of Thai Nguyen province, <sup>2</sup>Thai Nguyen University

<sup>3</sup>National Institute of Agricultural Planning and Projection

The major objective of this study is to evaluate land rice management and using in Phu Binh district, Thai Nguyen province, particularly in changing land use. During period of 2002-2013 total land rice area has reduced 206 ha due to land rice areas were shifted to other using purposes such as for industry, urban land or other agricultural activities. Recently, land rice management has been improved by local government to protect land rice areas, such as increasing human resources for land management, improving quality of land maps and land documentary. However, quality of land management staff is still low with particular in commune level. This situation may affect to land management in general and land rice management in particular.

**Keywords:** *using, land rice, Phu Binh*

*Ngày nhận bài: 15/12/2014. Ngày phản biện: 30/12/2014. Ngày duyệt đăng: 30/01/2015*

**Phản biện khoa học:** TS Hà Xuân Linh – Đại học Thái Nguyên

---

\* Tel: 0912 334310